

Bản án số: 517/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02-8-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân

Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Hồ Thị Lệ Thu

2/ Ông Nguyễn Đình Rành

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Vũ Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 05 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 314/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Kim T**, sinh năm 1976 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: **Số F, đường N, Phường E, thành phố T, tỉnh Long An.**

Bị đơn: Ông **Lê Ngọc H**, sinh năm 1975 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: **Số A, đường T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của bà **Võ Thị Kim T** và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

* Bà **Võ Thị Kim T** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Võ Thị Kim T** và ông **Lê Ngọc H** tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 104 quyền số 01/2003 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/10/2003. Từ khi kết hôn, bà T và ông H sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Bà T và ông H đã nhiều lần cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không hóa giải được. Hai vợ chồng sống ly thân từ ngày 01/9/2023 cho đến nay. Do thường xuyên mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T nộp đơn ly hôn.

- Về con chung: Bà T xác nhận bà và ông H có 03 người con chung tên là **Lê Võ Bảo N**, sinh ngày 10/5/2004 (nay đã trưởng thành), **Lê Võ Bảo C**, sinh ngày 19/5/2011 và **Lê Võ Hoàng P**, sinh ngày 20/02/2018. Bà **Võ Thị Kim T** yêu cầu sau khi ly hôn bà được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung tên là **Lê Võ Bảo C** và **Lê Võ Hoàng P**, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ông **Lê Ngọc H** trình bày tại Đơn xin vắng mặt ngày 15/7/2024 như sau:

Ông xin được vắng mặt và đồng ý chấp thuận mọi phán quyết của Tòa án, không kháng cáo, không khiếu nại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Bà **Võ Thị Kim T** có yêu cầu được ly hôn với ông **Lê Ngọc H** là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, do bị đơn ông **Lê Ngọc H** có nơi cư trú tại **Quận G** nên căn cứ Khoản 1, Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân **Quận G** không tham gia phiên tòa.

[1.2] Xét xử vắng mặt đương sự: Bà **T** và ông **Lê Ngọc H** đều có yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 104 quyền số 01/2003 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/10/2003, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà **Võ Thị Kim T** và ông **Lê Ngọc H** là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn gia đình:

Bà **T** và ông **H** kết hôn năm 2003. Do mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, nay hai người mạnh ai nấy sống, tình cảm không còn, bà **T** nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông **H** và ông **H** cũng đồng ý ly hôn với bà **T**. Xét, do tình cảm vợ chồng giữa bà **T** ông **H** không còn, mâu thuẫn đã đến lúc trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà **T** có yêu cầu được ly hôn với ông **H** là có cơ sở, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **T**.

[2.3] Về con chung:

Căn cứ Giấy khai sinh (bản sao) số 158, quyền số 01/2004 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/7/2004; Giấy khai sinh (bản sao) số 111, quyền số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/5/2011; Trích lục khai sinh số 97/TLKS do Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/02/2018 thì vợ chồng bà **T** và ông **H** có 03 người con chung tên là **Lê Võ Bảo N** (nữ), sinh ngày 10/5/2004 (đã trưởng thành), **Lê Võ Bảo C** (nữ), sinh ngày 19/5/2011 và **Lê Võ Hoàng P** (nam), sinh ngày 20/02/2018. Bà **T** có yêu cầu được nuôi dưỡng hai người con chung là **Lê Võ Bảo C**, sinh ngày 19/5/2011 và **Lê Võ Hoàng P**, sinh ngày 20/02/2018.

Hội đồng xét xử xét thấy, trẻ **Lê Võ Bảo C**, sinh ngày 19/5/2011 năm nay hơn 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ là bà **T** và ông **H** cũng đồng ý để bà **T** nuôi dưỡng hai người con chung là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử giao hai người con chung tên là **Lê Võ Bảo C**, sinh ngày 19/5/2011 và **Lê Võ Hoàng P**, sinh ngày 20/02/2018 cho bà **T** nuôi dưỡng cho đến khi hai trẻ trưởng thành.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà **T** không yêu cầu ông **H** cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Võ Thị Kim T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51; 56, 57, 58, 70, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà **Võ Thị Kim T**.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Võ Thị Kim T** được ly hôn với ông **Lê Ngọc H**.

[1.2] Về con chung: Giao hai người con chung tên là **Lê Võ Bảo C** (nữ), sinh ngày 19/5/2011 và **Lê Võ Hoàng P** (nam), sinh ngày 20/02/2018 cho mẹ là bà **Võ Thị Kim T** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai trẻ trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà **Võ Thị Kim T** không yêu cầu ông **Lê Ngọc H** cấp dưỡng nuôi con.

Ông **Lê Ngọc H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

[1.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, bà **Võ Thị Kim T** phải chịu. Bà **Võ Thị Kim T** đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0019261 ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **Võ Thị Kim T** đã nộp đủ án phí.

[3] Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- UBND phường Tân Kiểng, Quận 7;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (tk. Dung).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Tố Nhân